

QUAN NIỆM VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ VIỆT NAM

TRẦN THỊ THOM*

Ngày nhận bài: 13/06/2016; ngày sửa chữa: 14/06/2016; ngày duyệt đăng: 14/06/2016.

Abstract: This article analyses humanitarian and revolutionary factors in Vietnamese folk songs and proverbs through the study of notion of freeing women. These folk song and proverbs help to preserve the traditional cultural values, educate humanistic spirit, love and attitude of cherishing woman and fight for women's equality.

Keywords: Free women, folk songs, proverb.

Gải phóng phụ nữ là một trong những tư tưởng nhân văn cách mạng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Vấn đề giải phóng người phụ nữ đã diễn ra trong thực tiễn cuộc sống và được phản ánh trong văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian nói riêng như một điểm sáng góp phần tạo nên sức sống và nét bản sắc của văn hóa Việt Nam. Bài viết khai thác yếu tố nhân văn, cách mạng trong ca dao (CD), tục ngữ (TN) Việt Nam thông qua việc nghiên cứu quan niệm về giải phóng phụ nữ. Qua đó góp phần giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời giáo dục tinh thần nhân văn, tình yêu thương và thái độ trân trọng người phụ nữ, đấu tranh đòi bình đẳng cho phụ nữ. Quan niệm giải phóng phụ nữ trong CD, TN Việt Nam được thể hiện ở quan niệm về giải phóng phụ nữ khỏi những tư tưởng, lễ giáo phong kiến như: đấu tranh chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng đa thê và tư tưởng tam tòng, tệtáo hôn, đấu tranh chống tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, đòi tự do yêu đương và hôn nhân.

Hệ tư tưởng Nho giáo tồn tại lâu dài, ăn sâu bén rễ trong xã hội phong kiến đã trói buộc quyền tự do, bình đẳng của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Với những tư tưởng như: tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng đa thê, tư tưởng tam tòng, tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”,... CD, TN Việt Nam một mặt phản ánh, mặt khác thể hiện tiếng nói đấu tranh chống lại những lễ giáo phong kiến nhằm giải phóng người phụ nữ khỏi những ngang trái, bất công trong cuộc sống.

1. CD, TN Việt Nam là tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ

Tư tưởng trọng nam khinh nữ được thể hiện rõ nét trong thực tiễn đời sống và được phản ánh trong câu tục ngữ: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” [1; tr 121] (nghĩa là: có một đứa con trai mới gọi là có con, có mười đứa con gái cũng coi như không có). Đây là tư tưởng mang tính tiêu cực, vì thế TN đã lên tiếng đấu tranh, rằng con nào cũng đều đáng quý như nhau, cũng đều phải mang nặng đẻ đau, thậm chí nếu con

gái biết hiếu thảo, yêu thương cha mẹ thì còn đáng quý hơn cả con trai: “Gái có nghĩa nhân hơn nam nhân bội bạc” [2; tr 182]. Ngày nay, mặc dù xã hội đã phát triển nhưng tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ nhân dân và những câu TN mang tư tưởng tiến bộ trên vẫn còn nguyên giá trị của nó.

Ngoài ra, CD, TN còn đấu tranh chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ thông qua việc phủ nhận ý thức tôn thờ người đàn ông, đem thói hư tật xấu của người đàn ông ra châm biếm, chỉ rõ trong xã hội có không ít những người đàn ông bất tài, sống phụ thuộc vào người phụ nữ, đem lại bất hạnh cho người phụ nữ: “Làm trai rửa bát quét nhà, Vợ gọi thì dạ: Bẩm bà tôi đây” [2; tr 304]. CD, TN cũng chỉ rõ sự bẽ bàng của người phụ nữ khi lấy phải những ông chồng không ra gì: “... Lấy chồng gặp phải kẻ tồi, Cho nên lòng những bồi hồi đắng cay, ...” [2; tr 309]. Có thể thấy, tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ mặc dù chưa thực sự quyết liệt nhưng trong tâm tưởng, người phụ nữ đã ý thức được sự bất công, tủi hờn, cay đắng khi lấy phải ông chồng không ra gì. Họ dường như cam chịu, dường như phục tùng tiêu cực nhưng luôn trong tâm thế trời dậy.

Chính tư tưởng trọng nam khinh nữ đã khiến cho người đàn ông có tư tưởng gia trưởng. Đàn ông có quyền quyết định mọi công việc trong gia đình, người phụ nữ phải phục tùng và nghe theo sự sắp đặt của người đàn ông. Điều đó đã tạo nên sự bất bình đẳng trong gia đình, gây không ít những ám ức cho người phụ nữ. Do đó, CD, TN đã lên tiếng đấu tranh đòi quyền bình đẳng nam nữ. Trong mọi công việc, vợ chồng phải dựa vào nhau, cùng nhau san sẻ gánh vác, cùng bàn bạc để đi đến thống nhất trên cơ sở chồng hòa vợ thuận, bởi: “Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn” [1; tr 148]. Trong gia đình, người đàn ông phải biết

* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

yêu thương, thấu hiểu nỗi vất vả của người phụ nữ; biết trân trọng những đóng góp của người phụ nữ: “Của chồng, công vợ” [2; tr 315].

Trong việc sinh thành, nuôi dưỡng con cái, CD, TN cũng khẳng định vai trò, trách nhiệm ngang nhau của người đàn ông và người phụ nữ “Cha sinh, mẹ dưỡng”, thậm chí người phụ nữ có vai trò quan trọng hơn người đàn ông: “Cha sinh chẳng bằng mẹ dưỡng” [1; tr 37]. Đồng thời, phận làm con cái cũng phải đối xử công bằng với cha mẹ, kính trọng cả cha và mẹ, không khinh - trọng bên nào: “Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái” [2; tr 160].

Thông qua CD, TN, cha ông ta đã thể hiện tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ một cách mềm dẻo, sinh động. Ngày nay, nam nữ có quyền bình đẳng, người phụ nữ đã có điều kiện phát huy tài năng, đóng góp sức lực của mình trên mọi lĩnh vực không thua kém gì nam giới. Tuy nhiên với thiên chức và trách nhiệm gia đình, để người phụ nữ có thể phát huy hết khả năng của mình - vừa giỏi việc nước vừa đảm việc nhà thì đòi hỏi người chồng, người đàn ông trong gia đình phải có sự thấu hiểu, sẻ chia, cùng gánh vác công việc chung; đồng thời xã hội cũng cần có những chính sách thiết thực để người phụ nữ có được quyền bình đẳng thực sự.

2. CD, TN Việt Nam là tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng đa thê và tư tưởng tam tòng

Dưới chế độ phong kiến, việc người đàn ông lấy nhiều vợ được xem là điều đương nhiên, được xã hội hoàn toàn ủng hộ: “trao anh hùng năm thê, bảy thiếp”, còn đối với người phụ nữ thì ngược lại: “gái chính chuyên chỉ lấy một chồng”. Cùng với tư tưởng đa thê là tư tưởng tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) đã trói buộc cuộc đời người phụ nữ với một người đàn ông bằng tất cả sự phức tạp của cuộc sống hôn nhân. Điều đó gây nên bao nghiệt ngã đối với người phụ nữ, khiến người phụ nữ phải chịu cảnh cô đơn, thiếu thốn tình cảm, vật vã với bao trái ngang nảy sinh trong cuộc sống, đặc biệt là với những mâu thuẫn ngày càng thêm sâu sắc của cuộc sống gia đình.

Trước hết, CD, TN thể hiện tiếng nói đấu tranh chống tư tưởng đa thê thông qua việc khắc họa tình cảnh bế bồng của người phụ nữ lấy chồng chung, đặc biệt là những người phụ nữ đi làm lẽ: “Lấy chồng làm lẽ khổ thay, Đi cấy đi cày chị chẳng kể công. Tôi đến chị giữ lấy chồng, Chị cho manh chiếu nằm không ngoài nhà...” [2; tr 332]. Thực tế đã cho thấy, việc người đàn ông lấy nhiều vợ gây nên biết bao trái ngang, phức tạp trong gia đình, gây bất hạnh trong cuộc sống hôn nhân mà hơn ai hết, những người

phụ nữ là những người bất hạnh nhất. Những mâu thuẫn giữa vợ lớn - vợ bé, giữa những đứa con cùng cha khác mẹ, giữa người đàn ông với những người vợ của mình, giữa gia đình chồng và những người con dâu,... là một trong những nguyên nhân làm kìm hãm sự phát triển xã hội bởi con người phải dành quá nhiều thời gian để đối phó với sự ngột ngạt, phức tạp của cuộc sống gia đình.

Thấu hiểu tình cảnh của những người phụ nữ đi làm lẽ, sự bất hạnh trong cuộc sống đa thê, CD, TN ta đã đưa ra lời khuyên: “Đói no một vợ, một chồng” [3; tr 230]. Đồng thời, CD, TN cũng thể hiện tiếng nói đấu tranh quyết liệt chống lại tư tưởng đa thê, giải phóng người phụ nữ thoát khỏi cảnh lấy chồng chung, nhất là cảnh đi làm lẽ: “Chết trẻ còn hơn lấy lẽ chồng người” [1; tr 40]. Quan niệm thà chết còn hơn lấy chồng chung mặc dù có phần cực đoan, thể hiện sự bế tắc của người phụ nữ nhưng nó cho thấy khát vọng chính đáng muốn có được hạnh phúc thực sự, ý chí quyết tâm, tinh thần đấu tranh mãnh liệt của người phụ nữ nhằm giải phóng mình khỏi những ngang trái, bất công trong cuộc sống.

Cùng với tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng đa thê là tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng tam tòng. Đó là khi người chồng chết, người phụ nữ cũng có quyền bình đẳng như người đàn ông, họ hoàn toàn có thể tái giá: “Ông chết thì thiệt thân ông, Bà tôi sắp sửa lấy chồng nay mai. Bà chết thì thiệt thân bà, Ông tôi sắp sửa lấy ba nàng hầu” [2; tr 336]. Đây là tư tưởng nhân văn, tiến bộ, thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng người phụ nữ, coi trọng người phụ nữ khỏi những quy định hà khắc của lễ giáo phong kiến để họ được chạm tay tới tự do, hạnh phúc thực sự.

Có thể nói, CD, TN đã thể hiện tinh thần đấu tranh quyết liệt chống lại tư tưởng đa thê và tư tưởng tam tòng nhằm bảo vệ và giải phóng người phụ nữ, hướng tới một xã hội văn minh. Ngày nay, vấn đề bình quyền nam nữ, gia đình “một vợ, một chồng”, vấn đề tái giá đã được pháp luật quy định. Đó chính là thành quả của quá trình đấu tranh lâu dài nhằm giải phóng người phụ nữ - điều đã được CD, TN Việt Nam đề cập từ rất sớm.

3. CD, TN Việt Nam là tiếng nói đấu tranh chống lại tệ tảo hôn

Đi liền với tư tưởng đa thê là tệ tảo hôn. CD, TN đã nói lên tình cảnh của những người phụ nữ lấy chồng sớm, từ đó lên án tệ tảo hôn nhằm bảo vệ và giải phóng người phụ nữ: “Thân em mười sáu tuổi đầu, Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người. Nói ra sợ chị em cười, Năm ba chuyện nhảm chín mười chuyện cay. Tôi về đã mấy năm nay, Buồn riêng thì có, vui vậy thì

không. Ngày thì vất vả ngoài đồng, Tối về thời lại nằm không một mình” [3; tr 371].

Tệ tảo hôn đã gây ra biết bao thiệt thòi, bất hạnh cho người phụ nữ. Nó không những gây ảnh hưởng nặng nề về tâm lí, sức khỏe mà còn để lại những vết thương không thể chữa lành trong suốt cuộc đời người phụ nữ. Những thiếu nữ mới bước qua tuổi dậy thì, thậm chí vừa mới “chớm” tuổi dậy thì, cơ thể vẫn còn đang phát triển, tâm lí còn nhiều biến động, kinh nghiệm sống, thế giới quan, nhân sinh quan, tất cả còn hạn hẹp, chưa có sự chuẩn bị cần thiết để bước vào cuộc sống hôn nhân, thế mà đã phải đi làm dâu, làm vợ, làm mẹ. Chính những mâu thuẫn đó là nguyên nhân sâu xa của mọi nỗi đắng cay, tủi hờn trong cuộc đời người phụ nữ. Thông qua việc phê phán tệ tảo hôn, CD, TN đã lên tiếng tố cáo chế độ phong kiến với nhiều tư tưởng lạc hậu đã gây ra biết bao đau đớn, tổn thương cho con người, mà đặc biệt là người phụ nữ.

4. CD, TN Việt Nam là tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” (cha mẹ ép duyên con), đòi tự do yêu đương và hôn nhân

CD, TN đã nói lên tình cảnh ngậm ngùi của những người yêu nhau không đến được với nhau: “Cách sông, cách núi cho cam, Cách một chỗ lộ, thiếp chàng xa nhau” [2; tr 234], qua đó thể hiện tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, đòi quyền tự do, hạnh phúc cho con người: “... Mặc ai chia rẽ phận duyên, Đòi ta cứ giữ lời nguyên sắt son” [2; tr 394]. Cho dù có khó khăn, gian khổ, con người cũng quyết tâm vượt qua để được sống đúng với tình cảm của mình, không tham giàu khinh khó: “Hai ta bưng đọi chè tàu, Vừa đôi thì lấy, ham giàu làm chi” [2; tr 228].

Tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” còn được thể hiện rất quyết liệt - thà chết cũng vẫn giữ trọn tình yêu thủy chung, son sắt của mình, quyết không nghe theo sự sắp đặt của cha mẹ: “... Có hay nhất đánh nhè đày, Thủy chung giữ trọn, chết thà chịu chết lia đây không lia” [3; tr 395]. Từ đó, cho thấy khát vọng được tự do yêu đương, tự quyết định hạnh phúc đời mình của con người. Thông qua tiếng nói đấu tranh chống lại tư tưởng “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, CD, TN đã thể hiện tư tưởng bảo vệ và giải phóng phụ nữ, bởi khi bị ép duyên thì hơn ai hết, người phụ nữ là người chịu nhiều thiệt thòi và bất hạnh hơn cả.

Có thể nói, đây là tư tưởng tiến bộ, vượt khỏi khuôn khổ lễ giáo phong kiến. Nó không chỉ đơn thuần là tư tưởng giải phóng người phụ nữ mà nó còn cho thấy tư tưởng muốn vươn tới cuộc sống tự do, hạnh phúc của

con người nói chung. Tinh thần đấu tranh của dân gian gửi gắm trong CD, TN mặc dù còn mang tính tự phát nhưng chứa đựng nhiều điểm tiến bộ, mang tính nhân văn sâu sắc.

Với những bất hạnh trong hôn nhân do cha mẹ ép duyên con, do tư tưởng đa thê, tư tưởng tam tòng và tệ tảo hôn: đẩy người phụ nữ vào bao cảnh trái ngang, đắng cay, bẽ bàng trong cuộc đời, CD, TN đã thể hiện tiếng nói đấu tranh đòi quyền tự do cho người phụ nữ, giải phóng họ khỏi những bất hạnh trong cuộc sống gia đình thông qua quan điểm tự do hôn nhân để họ được quyền lựa chọn người bạn đời của mình: “Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi” [3; tr 232].

Đồng thời, CD, TN còn thể hiện những quan điểm tiến bộ của con người, muốn vượt qua những quy định, lễ giáo phong kiến để giành lấy hạnh phúc của đời mình. Xuất phát từ tình cảm chân thành trong tình yêu, người phụ nữ có khi vượt qua những quy định, lễ giáo phong kiến để được gặp gỡ, tìm hiểu, trò chuyện với người mình yêu: “Anh ơi, anh ngồi xuống đây, Anh nhích lại đây, em hỏi câu này,... Tình thân nghĩa thiết, xin chàng chớ quên” [2; tr 270]. Đây quả là tư tưởng táo bạo bởi với những quy định, lễ giáo phong kiến thì việc nam nữ tự tìm đến với nhau đã là một điều rất khó khăn, chứ đừng nói người phụ nữ lại chủ động đề xuất, mở lời để gần gũi, hò hẹn với người mình yêu. Qua đó cho thấy CD, TN Việt Nam chính là tiếng nói từ trái tim, thể hiện khát vọng thực sự, tiếng lòng, sự thổn thức thực sự của con người khao khát được sống đúng với tình cảm của mình.

Đặc biệt, tư tưởng hết sức tiến bộ được thể hiện trong CD, TN đó là tư tưởng giải phóng cho nhau khi hôn nhân bất hạnh để đi tìm hạnh phúc mới: “Xưa kia ở với mẹ cha, Mẹ cha yêu dấu như hoa trên cành. Từ ngày tôi ở với anh, Anh đánh anh mắng, anh tình phụ tôi. Đắt xấu nạn chả nên nổi, Anh đi lấy vợ, cho tôi lấy chồng” [2; tr 306]. CD, TN cũng thể hiện cái nhìn cởi mở đối với việc tái giá của người phụ nữ: “Rượu ngon, cái cặn cũng ngon, Thương em chẳng luận chồng con mấy đời” [2; tr 238].

Đây là một trong những tư tưởng tiến bộ vượt thời đại được phản ánh trong CD, TN. Nó thể hiện một tinh thần nhân văn cao đẹp, ý chí đấu tranh quyết liệt nhằm bảo vệ và giải phóng người phụ nữ, đem lại hạnh phúc thực sự cho người phụ nữ. Mặc dù, nằm trong vòng cương tỏa của chế độ phong kiến với nhiều quy định, lễ giáo hà khắc thế nhưng tư tưởng mà nhân dân ta gửi gắm trong CD, TN đã vượt lên trên tất cả những quy định đó. Từ đó, cho thấy khát vọng hướng

(Xem tiếp trang 132)

không còn phù hợp, không đáp ứng nhu cầu của đất nước lúc bấy giờ. Sự xuất hiện của nền giáo dục “Tây học” đã đưa đến những thay đổi mới cho nền giáo dục Trung kì: - Chương trình học bao gồm khoa học xã hội và khoa học tự nhiên đã trang bị kiến thức cho người học một sự hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực, phá vỡ lối tư duy khép kín, bảo thủ, rập khuôn của đội ngũ “Tri thức cũ” ở Trung kì; - Sự kết hợp giữa 2 nền giáo dục “Nho học” và “Tây học” đã tạo ra được một đội ngũ tri thức “Tây học”, một tầng lớp mới trong xã hội Trung kì lúc bấy giờ. Đó là những con người mang trong mình những giá trị truyền thống về ý thức dòng họ, quê hương và lòng yêu nước kết hợp với tư tưởng tiến bộ, dân chủ của phương Tây. Và chính sự kết hợp đó đã tạo nên những con người tiên phong cho phong trào canh tân đất nước như Phan Chu Trinh, Hồ Chí Minh... ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX; - Cùng với sự du nhập chữ Quốc ngữ, và chữ Pháp bắt buộc trong chương trình học đã thúc đẩy nhanh hơn cuộc hội nhập văn hóa “Đông - Tây” ở Trung kì. Những tác phẩm văn học Tây phương, những kiến trúc nhà thờ cùng với những bản thánh ca, những tạp chí, máy in, văn hóa đô thị... cũng đã có mặt tại vùng đất nặng về Nho giáo lâu đời; - Nền giáo dục “Tây học” đa dạng về trường lớp, giới tính, độ tuổi, phân định trường nam và trường nữ đã cho chúng ta một cách nhìn mới, tiến bộ hơn về bình đẳng giới, vị trí của người phụ nữ mà trong giáo dục Nho học không tìm thấy, đặc biệt là ở xứ Trung kì; - Giáo dục Trung kì, cùng với giáo dục Bắc kì và Nam kì đã đặt nền móng cho nền giáo dục Việt Nam hiện đại bao gồm cả hình thức và tổ chức nội dung.

3.2. Tiêu cực: - Với chủ trương duy trì một nền giáo dục “ngu dân” và “không có hại” cho chính quốc, thực chất giáo dục Trung kì giai đoạn này vẫn là một nền giáo dục thực dân, mất cân đối, lạc hậu, nặng về tuyên truyền văn hóa mẫu quốc hơn là phát triển chiều sâu để nâng cao dân trí. Vì thế, ở Trung kì giai đoạn này hơn 90% dân số mù chữ; - Chương trình giáo dục chỉ tập trung chủ yếu ở 2 cấp Tiểu học và Trung học, không đầu tư nhiều ở hệ Cao đẳng và đại học nên giáo dục Trung kì phát triển chậm, lạc hậu hơn so với Bắc kì và Nam kì; - Người Pháp không đưa những môn học khoa học tiên tiến với tính ứng dụng cao vào chương trình học nhiều, hạn chế số lượng HS Trung kì đi du học ở nước ngoài để tránh làm hại cho nền giáo dục “Mẫu quốc”. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Trọng Báu (2006). *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*. NXB Giáo dục.
- [2] Phan Trọng Báu (2008). *Nhìn lại hai cuộc cải cách giáo dục (1906 và 1917) ở Việt Nam đầu thế kỉ XX*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 5/2008.
- [3] Ngô Minh Oanh (2011). *Sự du nhập giáo dục phương Tây vào Nam kì Việt Nam thời thuộc Pháp (1861-1945)*. Tạp chí Khoa học xã hội, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Phan Ngọc Liên (2006). *Giáo dục và khoa cử Việt Nam*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [5] Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1997). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Quang Thắng (1993). *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin.

Quan niệm về giải phóng phụ nữ...

(Tiếp theo trang 143)

tới hạnh phúc, tự do là khát vọng mạnh mẽ nhất, cao đẹp nhất, không gì ngăn cản nổi của con người ở mọi thời đại.

Từ sự phân tích trên đây, chúng ta thấy, quan niệm về giải phóng phụ nữ được thể hiện trong CD, TN Việt Nam mang tinh thần nhân văn, cách mạng, vượt thời đại, thể hiện khát vọng, ước mơ chính đáng của con người về một xã hội tự do, bình quyền, hạnh phúc. CD, TN Việt Nam về giải phóng phụ nữ chính là tiếng nói thốt thốt từ sâu thẳm trái tim do đó nó rất dễ đi đến trái tim để cảm hóa mỗi con người. Mặc dù tư tưởng đấu tranh giải phóng người phụ nữ trong CD,

TN Việt Nam mang tính tự phát nhưng vẫn còn giữ nguyên giá trị đến ngày hôm nay, thể hiện giá trị và sức sống lâu bền của văn hóa dân gian - cội nguồn, tinh hoa văn hóa dân tộc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1999). *Tuyển tập Văn học dân gian. Tập 4, quyển 1: Tục ngữ - Ca dao*. NXB Giáo dục.
- [2] Vũ Ngọc Phan (2010). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. NXB Văn học.
- [3] Phạm Việt Long (2010). *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Nghĩa Dân (2000). *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*. NXB Thanh niên.
- [5] Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (2007). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục.